

CHƯƠNG 5

Chiến tranh và hòa đàm nhìn từ Paris

Sang Pháp cuối năm 1964, tôi ở nhờ nhà người chị ruột để chờ vợ tôi làm thủ tục về Pháp. Vợ tôi dân Pháp. Nhưng lúc đó ông Phạm Văn Liễu giữ chức vụ giám đốc công an cảnh sát nên đã làm khó dễ rất nhiều, không cho vợ tôi được phép mang các con tôi đi vì chúng nó có quốc tịch VN. Những đứa trẻ mới từ 1 tuổi cho đến 9 tuổi. Vợ tôi đành phải ra đi một mình để các con lại cho ông bà nội ngoại. Ở nhà sẽ là con tin và như vậy bó tay bó chân tôi ở ngoại quốc. Tuy vậy, ngày vợ tôi lấy phi cơ ra đi, ông Liễu đã cho công an giữ máy bay và bắt vợ tôi ở lại Việt Nam vì lý do "chính trị". Toà đại sứ Pháp ở Sài Gòn làm ngơ mặc dầu vợ tôi có yêu cầu can thiệp. Mấy tháng sau, nhân viên trong sở ngoại kiều cũng như khối công an đặc biệt thấy sự bất bằng nên đã giúp cho vợ tôi được ra đi.

Trong thời gian này, ở Pháp tổ chức chính trị đối lập quốc gia có thể nói là gần như không có. Ngoại trừ một vài nhân vật phải lưu vong hay tự ý ra đi dưới thời đệ nhất cộng hoà như ông Trần Văn Hữu, chủ tịch Ủy ban tranh thủ hoà bình và canh tân miền Nam, ông Hồ Thông Minh, ông Nguyễn Hữu Châu, ông Trần Đình Lan v.v... Nói chung có thể không lầm lẫn lắm là những người của thời Pháp. Họ không có một thực lực nào cả. Mỗi người một chủ trương, từ trung lập như ông Trần Văn Hữu đến đòi hỏi dân chủ như ông Hồ Thông Minh, Nguyễn Hữu Châu v.v.. hoặc đối lập vì định lật đổ chế độ năm 1954 như các ông Trần Đình Lan và Nguyễn Văn Hinh, Nguyễn Văn Vỹ. Ông Hồ Thông Minh, ông Nguyễn Hữu Châu và ông Thái Quang Trung vào khoảng năm 1967 lập ra một tổ chức lấy tên là Lực lượng Trung Tâm. Ông Hồ Thông Minh là một người chân thật và hiền lành, nhưng không lôi kéo được giới sinh viên trẻ và cảm tình của họ vì khuynh hướng và tính tình khác biệt giữa hai thế hệ. Cũng như mọi tổ chức không cộng sản khác, lực lượng này cũng rơi vào quên lãng. Phải nói rằng những nhân vật chính trị này, dù không đồng ý với nhau về nhiều điểm, nhưng họ vẫn giữ một thái độ ôn hòa và đứng đắn. Hoạt động chính trị của họ là thỉnh thoảng ra thông cáo hoặc tuyên ngôn để lấy thái độ trước mỗi biến chuyển chính trị ở miền Nam.

Tuy vậy, ngoài những nhân vật kể trên đã có dính líu vào chính trị ở miền Nam, hay nói như người ta thường diễn tả tình trạng của họ là những "con ngựa già" của chính trị, còn một số không nhỏ sinh viên trẻ đã ý thức được sự biến thể cần thiết của cả hai chế độ trong tinh thần dân tộc và dân chủ. Họ nhận định là chiến cuộc lúc đó có hai tính chất căn bản: ý thức hệ và dân tộc. Tranh chấp ý thức hệ giữa hai khối cộng sản / tư bản với sự

tham gia càng ngày càng quan trọng của các lực lượng ngoại quốc, miền Bắc thì Nga, Tàu, miền Nam thì Hoa Kỳ và đồng minh. Tính chất dân tộc là vì có nhu cầu tranh đấu chống lại bất công, độc tài, tham nhũng và sự chi phối của ngoại bang. Tiêu biểu cho khuynh hướng này là anh em trong Hướng Về Đất Việt, tên nguyệt san tranh đấu do họ chủ trương, xuất bản từ khoảng đầu năm 1966 cho đến tháng Tư năm 1975. Trong suốt thời gian này Hướng Về Đất Việt kêu gọi các lực lượng tôn giáo, các tổ chức dân tộc đứng lên tranh đấu cho hòa bình để ngăn chặn hai phe cực đoan biến đất nước thành chiến trường đẫm máu người Việt, của hai khối tư bản và cộng sản. Chống cộng sản hay chống đế quốc bằng bom đạn sẽ làm đất nước tan hoang, hận thù và tang tóc

chồng chất, không có lợi gì cho dân tộc. Không chấp nhận chế độ cộng sản phi nhân bản của Miền Bắc cũng như chế độ quân phiệt thối nát ở Miền Nam, lập trường tranh đấu của Hướng Về Đất Việt có thể tóm tắt là: Quân đội Mỹ và quân đội Miền Bắc phải rút khỏi Miền Nam; giải quyết các mâu thuẫn chính trị ở Miền Nam bằng thương lượng dựa trên tinh thần hòa giải dân tộc để đi tới việc thay đổi chế độ ở Miền Nam. Chế độ mới cần theo hướng dân chủ-xã hội thực sự mới có thể đáp ứng các đòi hỏi về tự do, dân chủ và công bằng của dân chúng và của đa số các lực lượng chính trị cũng như tôn giáo ở Miền Nam. Để thoát khỏi tranh chấp cộng sản / tư bản, Miền Nam cần đứng trung lập để không là một đe dọa cho bất cứ phe phái nào. Vấn đề thống nhất chỉ có thể thực hiện tốt đẹp bằng những biện pháp dân chủ qua thương lượng giữa hai miền về một lịch trình hợp lý dựa trên tinh thần hòa giải dân tộc và với căn bản là tôn trọng quyền sống của mọi người Việt và quyền lợi chung của đất nước.

Thành viên trong Hướng Về Đất Việt phần lớn là sinh viên đi từ miền Nam, nhưng cũng có những thành phần khác như các du học sinh cộng sản ly khai, ở Đông Đức trốn sang Tây Đức, hoặc những người đã ra trường nhưng đi tu nghiệp như trường hợp bác sĩ Nguyễn Đan Quế trong thời gian thực tập ở Bỉ. Đại diện của họ lúc đó là anh Vũ Thiện Hân. Anh Hân luôn luôn chứng tỏ là một thanh niên khiêm tốn, trầm tĩnh có nhiều đức tính và khả năng lãnh đạo. Những sinh viên này, sau khi ra trường một số về làm việc ở Việt Nam, một số ở lại các nước Âu Châu và đã có mặt ở khắp các ngành nghề, từ giáo dục, kinh tế, kỹ nghệ đến nghiên cứu. Anh Hân trở thành giáo sư đại học và làm giám đốc một phòng nghiên cứu về điện tử ở Paris vào đầu thập niên 80. Tiếng rằng tiếng súng và loa tuyên truyền của các thế lực độc tài và cực đoan đã che lấp hoàn toàn nguyện vọng hòa bình và hòa giải dân tộc của đại đa số người Việt. Các phong trào đòi hòa bình như HVĐV đã không có ảnh hưởng gì trên diễn tiến của chiến cuộc ở Việt Nam.

Ngoài ra còn có phong trào Phật giáo chống kỳ thị tôn giáo từ thời ông Diệm và sau này có khuynh hướng chống chiến tranh với những nhân vật như thiền sư Thích Nhất Hạnh cùng với ông Võ Văn Ái và thượng tọa Thích Thiện Châu. Phong trào này sau năm 1967 cũng phân hóa thành 3 khuynh hướng. Ông Võ Văn Ái có khuynh hướng Phật giáo chống cộng, tranh đấu cho Nhân quyền, trong khi thầy Thiện Châu với Hội Phật Tử Việt Nam tại hải ngoại sau này nằm trong Hội Người VN tại Pháp. Hội này là tên mới đổi sau 1975 của hội Liên Hiệp Việt Kiều tại Pháp, một tổ chức ngoại vi của chế độ miền Bắc.

Nhiều người thường có ý kiến là tất cả báo chí của ông Ái như tờ Quê Mẹ chỉ dành để nói về cá nhân ông ta. Điều đó có phần nào đúng. Nhưng phải công nhận là trong hơn 3 thập niên, ông Ái là người có quyết tâm theo đuổi công việc của ông ta. Tôi nghĩ rằng hoạt động của ông Ái cho nhân quyền ở Việt Nam là một hành động lợi ích và nếu báo chí và đặc biệt tờ Quê Mẹ tường trình lại hoạt động của ông ta thì cũng chỉ là lẽ dĩ nhiên. Tuy vậy, tôi có hơi ngạc nhiên khi đọc tờ Quê Mẹ số 93, tháng 7-1988 và mấy số sau đó vì thấy có những bài tạp ghi về chuyến đi thăm Trung Quốc trong hai tuần lễ vào cuối tháng 5-1988 của Thi Vũ, bút danh ông Ái, theo lời mời của Viện Khoa Học Xã Hội và Viện Nghiên Cứu Đông Dương ở Quảng Tây. Một cơ quan của Trung Cộng có chủ định gì mà mời chủ tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam và là một nhân vật chống cộng cực đoan? Những người hướng dẫn ông Ái trong cuộc tham quan là những người cộng sản Trung Hoa trước đã sinh sống ở Việt Nam. Ông Ái trong những bài tạp ghi qua cuộc tham quan không đề cập tới mục đích và nội dung những đề tài

trao đổi với các Viện Khoa Học Xã Hội và Viện Nghiên Cứu Đông Dương, nhưng nói đến tình trạng tương đối sung túc và tự do của người dân Trung Quốc. Ông Ái cũng nói đến tâm trạng những người Trung Hoa sống ở Việt Nam như sau: *"tôi chỉ bắt gặp qua bộ mặt, lời nói, tâm tư của những người bạn Trung Quốc ấy một nỗi niềm nhớ tiếc Việt Nam, pha lẫn lòng giận dữ đã được đè nén về một sự phản bội, phụ tình"*. Nhưng không đầy một năm sau

thì xảy ra vụ đàn áp sinh viên ở quảng trường Thiên An Môn. Biến cố đó cải chính phần nào cái nhìn lạc quan trên của ông Ái.

Thầy Nhất Hạnh sau khi có bất hòa với ông Ái đã ra hoạt động riêng. Cũng trong thời gian này, giới đối lập Việt Nam có thêm BS Phạm Văn Huyền, thân sinh của bà Ngô Bá Thành, và ông Cao Minh Chiếm, một ký giả, được chánh quyền Hà Nội cho đi Pháp sau khi bị tướng Nguyễn Chánh Thi đưa ra cầu Hiền Lương, đuổi về Bắc vì mang tội tranh đấu đòi hoà bình và trung lập cho miền Nam. Ngoài ra, còn vài nhân vật như dân biểu Ngô Công Đức vào tháng 7 năm 1970 họp báo nêu lên sự có mặt cần thiết của một phái đoàn đại diện các đoàn thể, lực lượng tôn giáo và chính trị tranh đấu cho Hoà bình, Dân chủ và Hòa giải ở Hội nghị Paris cùng với 4 thành phần gồm đại diện Hoa Kỳ, đại diện chánh quyền Nguyễn Văn Thiệu, đại diện Bắc Việt và đại diện Mặt Trận Giải Phóng để giải quyết vấn đề miền Nam Việt Nam. Một ước vọng viễn vông khi trong tay không có một thực lực nào.

Về phía Công giáo thì có "Phong trào Công giáo và Dân tộc" dưới sự hướng dẫn của Linh mục Nguyễn Đình Thi. Nhưng người đại diện chính thức là ông Nguyễn Văn Công. Sau 75, phong trào chủ trương đóng góp kỹ thuật và vật lực như xây cất silo ở miền tây Nam bộ và không tham gia hoạt động với các tổ chức khác. Tôi nghĩ rằng Linh mục Thi có cao vọng lớn hơn. Ông muốn trở thành trung gian chính thức giữa khối Thiên chúa giáo quốc tế và chánh quyền cộng sản để giải quyết các vấn đề liên quan đến Công Giáo Việt Nam.

Trong khi đó, giới thiên về chánh quyền miền Bắc ở Paris đã có sẵn cơ sở và kinh nghiệm từ thời chiến tranh chống Pháp hoạt động rất tích cực. Phong trào này thu hút được mọi tầng lớp Việt kiều, trí thức, công nhân, thương gia v.v... Chiến tranh càng mở rộng, với sự tham gia trực tiếp của Hoa Kỳ và sau đó với các đồng minh, thì phong trào càng thu hút được đông đảo các giới người Việt ở Pháp mà động cơ chính là tinh thần chống chiến tranh đang tàn phá đất nước, chống giới quân phiệt. Họ đã tiến tới đại hội thành lập Hội Liên Hiệp Việt Kiều tại Pháp trong hai ngày 24 và 25 tháng 5 năm 1969, với sự có mặt của những ông Lê Đức Thọ, cố vấn đặc biệt của đoàn đại biểu chánh phủ nước VNDCCH, ông Trần Bửu Kiếm, trưởng đoàn đại biểu MTDTGP/MNVN v.v.. Ông Nguyễn Hữu Thọ, thay mặt Ủy ban trung ương MTDTGP gửi điện mừng đại hội. Ông Trần Văn Dĩnh, nhà văn, nhà báo ở Hoa Kỳ cũng gửi điện mừng. Đại hội đã bầu ông Huỳnh Trung Đồng làm chủ tịch và ông Nguyễn Ngọc Hà làm tổng thư ký; các ông Đào Văn Ty, trường y khoa Paris, và ông Lê Bá Đăng, họa sĩ, làm phó chủ tịch và ông Đào Văn Châu, kỹ sư làm thủ quỹ. Ngoài ra, còn một số nhân sĩ có mặt trong ủy ban ủng hộ Hội Liên Hiệp Việt kiều như các ông:

Hoàng Cung, cựu bộ trưởng;

Vũ Cao Đàm, họa sĩ;

Nguyễn Ngọc Cung, bác sĩ;

Nguyễn Văn Đăng, tiến sĩ khoa học, Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học;

Bửu Điền, nhà sĩ;

Phạm Văn Ký, văn sĩ;
Lê Thành Khôi, kinh tế gia;
Nguyễn Minh Nháng, giáo sư;
Nguyễn Văn Nhã, bác sĩ;
Nguyễn Văn Nghị, bác sĩ;
Trương Công Mùi, giáo sư;
Ngô Quốc Quyền, bác sĩ;
Hoàng tử Vĩnh San, con Vua Duy Tân;
Hồ Vĩnh Thống, bác sĩ;
Nguyễn Đạt Xường, Trung tâm quốc gia nghiên cứu khoa học;
Lê Thành Ý, giáo sư hưu.

Dĩ nhiên quyết nghị chính trị của đại hội này là "nhiệt liệt hoan nghênh và triệt để ủng hộ giải pháp toàn bộ 10 điểm của MTDTGPMNVN, xem đó là cơ sở đúng đắn để giải quyết vấn đề miền Nam Việt Nam". Tôi có tham dự ngày 25-5-1969 tổng kết đại hội theo lời mời của ông Huỳnh Trung Đồng, chủ tịch ban chấp hành trung ương. Cũng như trong thời gian đi qua vùng giải phóng, tôi lại thấy người cộng sản đã biết vận động triệt để khôn khéo và hữu hiệu lòng yêu nước của Việt kiều, cũng như biết mở rộng liên minh với các thành phần khác ở trên đất Pháp, dù chỉ là đường lối có tính chất giai đoạn.

Mặc dầu có liên lạc thân hữu với các nhân vật kể trên từ ông Huỳnh Trung Đồng, ông Nguyễn Ngọc Hà tới ông Hồ Thông Minh và ông Trần Đình Lan; từ ông Võ Văn Ái tới thượng tọa Thiện Châu hay linh mục Thi, nhưng vì nhiều lý do tôi đã chọn cộng tác với anh em Hướng Về Đất Việt (HVĐV) khi họ yêu cầu. Tôi đến với HVĐV vì họ đồng ý với những phân tích của tôi về tình hình chính trị đất nước trong giai đoạn đó và những nguyên nhân thất bại của giới quốc gia, sau khi họ đọc Phần I cuốn Bình viễn 11-11-60 của tôi. Ngoài ra, tôi quan niệm là tương lai nằm trong tay những thế hệ trẻ. Họ không bị ràng buộc và tiếm nhiệm bởi quá khứ của những chánh quyền liên tiếp trong hơn hai thập niên vừa qua. Nếu thế hệ trẻ có thể nông nổi, thiếu kinh nghiệm nhưng bù lại họ hăng say phục vụ và nhất là còn tinh thần trong sạch của thanh niên, một đức tính rất hiếm trong giới chính trị và hành chánh miền Nam. Cộng tác với tổ chức này, tôi chỉ giữ một vai trò rất khiêm tốn vì muốn để họ tự nhận lấy trách nhiệm trong thái độ của họ. Tôi chỉ góp ý kiến như một người lớn tuổi hơn họ và đã trải qua kinh nghiệm cá nhân về giới chính trị miền Nam. Điều quan trọng mà tôi muốn nói với anh em HVĐV là chế độ cộng sản đi tìm chánh nghĩa ở lập trường "Đất nước-Dân tộc" nên đã động viên được lòng yêu nước của dân chúng. Chế độ Cộng hoà miền Nam thì tìm chánh nghĩa ở lập trường "Tự do-Dân chủ". Nhưng tự do dân chủ ở đây rất hạn hẹp, nó chỉ có phần nào cho thiểu số ở tầng lớp lãnh đạo mà thôi, còn quảng đại quần chúng, những người thấp cổ bé miệng thì vẫn bị đè nén bóc lột. Tuy là nền độc tài miền Nam không như nền độc tài cộng sản, phần lớn là vì chế độ này nằm trong quỹ đạo của thế giới tư bản, nên có những quy luật bắt buộc phải theo, không đóng kín xã hội như trong thế giới cộng sản. Vì vậy muốn thành công, lý tưởng của những người không cộng sản theo đuổi phải gồm cả hai yếu tố có tính chất bổ sung: Đất nước-Dân tộc và Tự do-Dân chủ và Công bằng xã hội. Chánh nghĩa thật sự của dân tộc Việt Nam không thể què cụt, thiếu một trong những yếu tố trên. Nhưng thực sự đường lối tôi theo đuổi từ trước đó là muốn tìm một giải pháp chính trị để giải quyết chiến tranh, đem lại hoà bình cho đất nước.

Tôi chọn lựa con đường đó là vì thấy niềm bất hạnh của dân tộc quá lớn. Cái đau khổ của những người mẹ khóc con, người vợ khóc chồng, đứa nhỏ khóc cha tử thương vì bom đạn của chiến tranh, vì bị tàn sát, ở bên này hay bên kia vĩ tuyến đều giống nhau. Nó không mang bản chất ý thức hệ. Nỗi đau khổ và tuyệt vọng của họ người ngoại cuộc khó lường được. Bởi vì tất cả thế giới nhỏ bé họ xây dựng quanh người con, người chồng, người cha đã sụp đổ theo người vừa nằm xuống bởi bom đạn và hận thù. Tương lai của bản thân họ và gia đình họ trở nên mịt mù, tăm tối.

Giữa lúc tình trạng chính trị và chiến tranh Việt Nam đi vào giai đoạn quyết định, với sự chấp nhận ngồi vào bàn hội nghị của hai đối thủ và đồng minh để tìm một giải pháp chính trị cho chiến tranh, thì ngày 3 - 9 - 1969 ông Hồ Chí Minh mất. Lịch sử sẽ đánh giá vai trò của ông Hồ trong vấn đề tranh đấu giành độc lập và trách nhiệm trong những vấn đề chính trị nội bộ, vấn đề cải cách ruộng đất v.v.. Chỉ lịch sử mới có được điều kiện thời gian để khách quan nhận định công hay tội của những nhân vật lịch sử. Quang Trung Hoàng Đế dưới thời Lê mạt đã bị các cựu thần nhà Lê và triều Nguyễn coi là giặc sau khi đã thắng và thống nhất đất nước với sự giúp đỡ của một số người Pháp. Riêng tôi, tôi vẫn nghĩ rằng ông Hồ là một người yêu nước, trước khi là người cộng sản, đã đặt ưu tiên cho công cuộc tranh đấu giành độc lập. Sự áp đặt một chế độ cộng sản ở Việt Nam có thể là một ngẫu nhiên của lịch sử, do tình trạng chiến lược giữa hai khối ý thức hệ lúc đó. Đặt giả thuyết là người đại diện Pháp không phải là D'Argenlieu mà là tướng Leclerc và Pháp chấp thuận để Việt Nam tự trị như ông Hồ Chí Minh đòi hỏi trong giai đoạn đầu, hoặc Hoa Kỳ ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Minh thì nước Việt Nam có trở thành cộng sản không? Tuy nhiên, dưới bất cứ chế độ độc tài nào, hiện tượng chung là xu hướng thần thánh hoá lãnh tụ, từ Staline, Mao Trạch Đông cho tới Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm, để rồi sau đó lịch sử khám phá ra họ cũng chỉ là những người với cái tốt và cái xấu của con người bình thường. Có thể theo ông Hồ Chí Minh, đường lối cộng sản chỉ là một phương tiện có hiệu lực để đi tới mục tiêu giành độc lập?

Hội nghị Paris về Việt Nam bắt đầu từ ngày 10-5-1968 giữa hai phái đoàn Hoa Kỳ và Bắc Việt. Phái đoàn Hoa Kỳ do ông Averell Harriman dẫn đầu, sau đó được thay thế bởi ông Cabot Lodge và khi ông này từ chức vào tháng 11-1969, tổng thống Nixon không cử người thay thế ngay vì thấy không có tiến triển ở Hội Nghị Paris về Việt Nam. Phải chờ tới tháng 7-1970, ông David Bruce mới được chỉ định thay thế ông Cabot Lodge làm trưởng phái đoàn Hoa Kỳ tại Paris. Phái Bắc Việt, ông Xuân Thủy làm trưởng phái

đoàn. Phái đoàn của MTDTGP/MNVN do bà Nguyễn thị Bình dẫn đầu. Ngày 1-11-1968, không quân Hoa Kỳ ngừng oanh tạc Bắc Việt theo lệnh của tổng thống Johnson. Chánh quyền Sài Gòn phản đối và không chịu gửi phái đoàn tham dự Hội nghị mở rộng bốn bên ở Paris. Cho tới ngày 3-11-1968, ông Thiệu còn tuyên bố trước quốc hội nhất định không ngồi vào bàn hội nghị nếu "biết rằng Bắc Việt sẽ đẩy tới chỗ chấp nhận một chánh phủ liên hiệp". Ngày 12-12-1968, ông Trần Chánh Thành, bộ trưởng ngoại giao còn tuyên bố: "*Đại diện của chúng tôi sẽ rời phòng họp nếu MTDTGP/MNVN có chỗ ngồi riêng sau lá cờ và băng danh của họ*". Nhưng cuối cùng, phái đoàn NVN do ông Nguyễn cao Kỳ hướng dẫn và ông Phạm Đăng Lâm làm trưởng phái đoàn cũng tới Paris ngày 9-12-1968. Trong phái đoàn NVN có đại tá Nguyễn Huy Lợi, người đồng chí của tôi trong cuộc đảo chánh 11-11-60, làm cố vấn quân sự cho phái đoàn. Sau khi tới Paris, ông Lợi lại trực tiếp liên lạc lại với tôi. Hai chúng tôi sau mấy năm xa cách và chỉ

liên lạc qua tin tức nay gặp lại nhau trong niềm xúc cảm và trong một khung cảnh hoàn toàn mới. Chúng tôi lại có dịp thảo luận và trao đổi ý kiến về tình hình đất nước với những ưu tư như trước đó gần một thập niên khi chúng tôi chuẩn bị đảo chánh.

Sau một thời gian làm việc trực tiếp với phái đoàn Hoa Kỳ, ông Lợi cho tôi biết ý định của Hoa Kỳ là đang cố gắng tìm giải pháp cho chiến cuộc Việt Nam. Trong khi đó VNCH vẫn tin tưởng Hoa Kỳ sẽ ở lại giúp cho đến khi chiến thắng CS, nên không có một sự chuẩn bị nào về mọi phương diện quân sự cũng như chính trị cho một giải pháp khác. Điểm này phù hợp với một vài suy nghĩ tôi ghi lại trong cuốn sổ tay ngày 20-12-1968 như sau "*Qua những lời tuyên bố của Clark Clifford, Bộ trưởng quốc phòng Hoa Kỳ và của cố vấn đặc biệt của Nixon, vừa trúng cử tổng thống, về vấn đề Việt Nam thì người ta có cảm tưởng Hoa Kỳ có ý định triệt thoái khỏi miền Nam Việt Nam. Và trong cuộc điều đình hiện nay, Hoa Kỳ sẽ tìm mọi cách để thỏa hiệp với Bắc Việt và MTDTGP/MNVN về việc bảo đảm an ninh cho lực lượng Hoa Kỳ trong thời gian triệt thoái. Còn tương lai chính trị miền Nam Việt Nam là điều phụ, Hoa Kỳ có thái độ bỏ rơi. Cũng có thể đó là thái độ dọa nạt để các nhóm ở miền Nam, trước viễn ảnh đen tối đó tìm cách đoàn kết lại. Tương lai sẽ cho biết sự thật*".

Đến tháng 6-1969, ông Lợi có nhờ tôi giới thiệu với một nhân vật có uy tín ở phía "bên kia" để có thể trao đổi ý kiến về tình hình và ý muốn của cả hai bên Việt Nam về vấn đề hoà bình. Tôi đồng ý và sau đó trong giai đoạn đầu, tôi tổ chức một bữa cơm tại một tiệm ăn ở đại lộ Marceau, quận 16 Paris, giữa Lợi, tôi và hai ông Huỳnh Trung Đồng và Nguyễn Ngọc Hà. Bốn chúng tôi đã thảo luận về tình hình đất nước và đồng quan điểm là cái chính trong bất cứ giải pháp nào vẫn là thiện chí giữa những thành phần Việt Nam. Chúng tôi gặp nhau nhiều lần cho tới tháng 9-1970. Ông Lợi và ông Hà cũng đồng ý gặp nhau riêng, một cách kín đáo không có sự hiện diện của tôi. Những cuộc gặp gỡ tay đôi đó chấm dứt khi ông Lợi bị gọi về Sài Gòn cuối năm 1972. Theo tôi được biết thì chánh phủ Mỹ đã nhờ ông Lợi làm công việc này, khi biết ông Lợi có liên lạc với giới bên kia. Tuy chỉ là tổng thư ký Hội Liên Hiệp Việt Kiều tại Pháp, nhưng ông Hà đã làm hữu hiệu công việc trao đổi ý kiến giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt. Phải nói là trong thời gian này, từ khi Hội Nghị Paris bắt đầu làm việc thì sự tiếp xúc mật giữa ông H. Kissinger với Bắc Việt không tiếp tục nữa. Từ ngày ông Nixon lên nắm quyền, những cuộc điều đình mật giữa ông H. Kissinger và ông Lê Đức Thọ chỉ bắt đầu lại mà không qua một trung gian ngoại quốc ngày 20-2-1970. (A la Maison Blanche 1968-1973; H. Kissinger, Edition Fayard, trang 456). Trong một buổi nói chuyện với ông Xuân Thủy, trưởng phái đoàn Bắc Việt ngày 26-9-1970 tại căn nhà ở Choisy Le Roi, khi tôi đề cập đến vấn đề ngừng bắn trước với sự rút vào những địa điểm nhất định của quân đội Bắc Việt và quân đội Hoa Kỳ, thì ông Xuân Thủy cho là Hoa Kỳ sẽ không muốn và chánh quyền Sài Gòn cũng vậy. Ông ta cũng nhấn mạnh với tôi là miền Nam sẽ không trở thành cộng sản vì những điều kiện địa phương. Đây là một ý kiến của một nhân vật cộng sản quan trọng trong một thời điểm mà tình hình chính trị ở miền Nam chưa ngã ngũ trước cuộc tuyển cử tổng thống trong năm tới.

Trong suốt thời gian sơ khai Hội Nghị Paris về Việt Nam, giữa hai phái đoàn Hoa Kỳ và Bắc Việt và sau đó, giới cộng sản đã tung ra sách lược chính trị nhằm thu hút những thành phần đối lập không cộng sản miền Nam. Sách lược này được nêu rõ ở điểm 5 trong chương trình 10 điểm của MTDTGP/MNVN do ông Trần Bửu Kiếm đọc tại Hội Nghị Paris ngày 8 tháng 5 năm 1969. Điểm 5 đề nghị: "*Trong thời gian từ khi hoà bình được lập lại cho đến khi tổng tuyển cử, không một bên nào cưỡng bức nhân dân*

miền Nam Việt Nam phải nhận chế độ chính trị của mình. Các lực lượng chính trị đại diện cho các tầng lớp nhân dân và các xu hướng chính trị ở miền Nam Việt Nam kể cả những người vì lý do chính trị phải cư trú ở nước ngoài, tán thành hoà bình, độc lập, trung lập, sẽ cùng nhau thương lượng để thành lập một chính phủ liên hiệp lâm thời trên nguyên tắc bình đẳng, dân chủ và tôn trọng lẫn nhau nhằm thực hiện một miền Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập". Chính phủ liên hiệp lâm thời có nhiệm vụ:

a - Thi hành các hiệp nghị được ký kết về việc rút quân Mỹ và các nước ngoài thuộc phe Mỹ, v.v.. .

b - Thực hiện hoà hợp dân tộc, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các lực lượng chính trị, các dân tộc, các tôn giáo và tất cả mọi người không phân biệt xu hướng chính trị và quá khứ, miễn là tán thành hoà bình, độc lập và trung lập.

c - Thực hiện các quyền tự do dân chủ rộng rãi, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do lập đảng phái và tổ chức chính trị, tự do biểu tình v.v.. trả lại tự do cho những người bị bắt vì lý do chính trị, cấm chỉ mọi hành động khủng bố, trả thù và phân biệt đối xử đối với những người đã hợp tác với bên này hoặc bên kia....

d - Hàn gắn vết thương chiến tranh

e - Tổ chức tổng tuyển cử tự do và dân chủ trên toàn miền Nam Việt Nam để thực hiện quyền tự quyết ...

Có thể nói không nhầm đoạn này là bản khai sinh chính thức danh từ "thành phần ba". Người cộng sản đã xếp tất cả mọi giới đối lập với chế độ cộng hoà miền Nam vào cụm từ đó dù muốn dù không. Thành phần ba thực sự chỉ như một tinh vân (nébuleuse) với một số nhân vật chính trị đối lập với Sài Gòn. Họ trở thành "thành phần ba" do ý muốn của MTDTGPMNVN. Những nhân vật này phần lớn cũng chưa hề gặp nhau. Có dịp nói chuyện với vài người trong số người này, tôi thấy họ đều tin tưởng họ là nhân vật duy nhất không thể thiếu được để giải quyết vấn đề Nam Việt Nam. Họ thường tự khoe là có sự ủng hộ của Hoa Kỳ. Và giới lãnh đạo MTDTGPMNVN cũng như chính quyền miền Bắc đánh giá cao vai trò của họ v.v.. và như vậy sẽ phải "tam cố thảo luận" mời họ đứng ra tìm giải pháp cho vấn đề Việt Nam. Do một người bạn thân giới thiệu, BS Huyền mời tôi lại nhà nói chuyện ngày 17-6-1969. □ Ấn tượng đầu tiên tôi ghi lại trong nhật ký là: BS Huyền là một nhân vật chính trị gàn, sống trong ảo tưởng và tháp ngà của mình. Tự gán cho mình một thể chính trị thực ra không có. Và cái thiếu hụt nhất của BS Huyền là sự thiếu khiêm nhường, không kín đáo.

Tôi ý thức rằng tập hợp hỗn tạp này không có khả năng chính trị và càng không có khả năng tham gia đàm phán giải quyết vấn đề Việt Nam vì một lẽ giản dị nhất là họ không có lực lượng từ tinh thần đến vật chất. Vai trò của họ chỉ là để cô lập hoá thêm chính quyền Sài Gòn và tô điểm cho khẩu hiệu đoàn kết của MTDTGPMNVN. Tuy vậy, tin rằng sách lược chính trị của MTDTGP sẽ thu hút được một số nhân vật chính trị lưu vong tại Pháp và trong trường hợp đó sẽ hoàn toàn đứng theo lập trường của họ, nên tôi và đại tá Nguyễn Huy Lợi, tuy không thể ra mặt công khai nhưng cùng đồng ý nên tìm cách tiến tới một tập hợp những đối lập ở Paris nhằm mục đích có một đối trọng trong những thành phần này, không để có sự nghiêng hẳn về phía đối phương. Sau một thời gian liên lạc với nhiều người và đoàn thể tại Pháp từ tháng 5-1969, chúng tôi tiến tới việc vận động thành lập Ủy Ban Liên Kết (UBLK) các lực lượng đấu tranh cho hoà bình, độc lập và trung lập tại miền Nam Việt Nam. Chủ trương hoạt động nêu lên trong bản kêu gọi thành lập Ủy ban gồm những điểm căn bản như:

" Hoà bình trong độc lập.

Thâu hồi chủ quyền quốc gia.

Thi hành chánh sách trung lập: - đối ngoại, không liên minh quân sự với một khối nào...;
- đối nội, chủ trương xây dựng một chế độ dân chủ thực sự ở miền Nam Việt Nam trong tinh thần hoà giải dân tộc.

Thống nhất đất nước bằng phương tiện hòa bình, với sự thỏa thuận huynh đệ giữa hai miền trong lợi ích tối cao của toàn dân.

Để thực hiện những mục tiêu trên,

- góp phần với các lực lượng dân tộc tiến bộ, không đứng trong hàng ngũ MTDTGP/MNVN để yêu cầu chánh phủ Hoa Kỳ chấm dứt sự ủng hộ nhóm lãnh đạo hiện tại ở Sài Gòn nhờ hầu mọi tầng lớp dân chúng quyết định vận mạng của mình,

- cùng các đoàn thể và nhân sĩ trong và ngoài nước tranh đấu cho việc thành lập một nội các chuyển tiếp thay thế chánh quyền Sài Gòn hiện nay, để thương lượng thật sự tại Hội Nghị Paris, để chấm dứt nhanh chóng chiến tranh...

- liên lạc và bàn bạc với chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam để tìm điều kiện thuận lợi cho sự hoà giải dân tộc và cho các giải pháp về những vấn đề sau đây:

- hình thức một chánh phủ liên hiệp,

- tổng tuyển cử để định chế độ tương lai của miền Nam Việt Nam,

- các lực lượng quân sự Việt Nam tại miền Nam Việt Nam sau khi ngừng chiến.

Paris, ngày 30 tháng 10 năm 1969.

Ký tên,

- Cao Minh Chiêm, nguyên tổng thư ký Ủy Ban Vận Động Hoà Bình (Sài Gòn 1965)

- Nguyễn Văn Cồn, giáo sư tiến sĩ văn chương

- Huỳnh Trung Đồng, chủ tịch Hội Liên Hiệp Việt Kiều tại Pháp.

- Trung tá Vương Văn Đông, đại diện "Hương về đất Việt"

- Bác sĩ Nguyễn Ngọc Hà, tổng thư ký Hội Liên Hiệp Việt Kiều tại Pháp.

- Vũ Thiện Hân, kỹ sư, đại diện "Hương về đất Việt"

- Trung tá Trần Đình Lan, chủ tịch Lực Lượng Tự Do Việt Nam.

- Nguyễn Tấn Phát, chuyên viên cao cấp thương mại.

- Huỳnh Bá Phúc, trung úy không quân Việt Nam Cộng Hoà.

- Nguyễn Tấn Phước, kỹ sư, phó chủ tịch Lực Lượng Tự Do Việt Nam.

- Bùi Quang Tung, giáo sư, cựu nhân viên Trường Viễn Đông Bác Cổ.

Trong thời gian vận động thành lập uỷ ban nói trên, chúng tôi cũng đã gặp nhiều trở ngại. Trở ngại chính là nội dung bản kêu gọi. Giữa tôi và ông Huỳnh Trung Đồng có sự bất đồng ý kiến về điểm nội dung trung lập miền Nam. Cuộc họp ngày 27-10-1969 bế mạc gần như trong tan vỡ. Tôi cương quyết giữ lập trường đưa ra vì nếu không thì UBLK không còn nhiệm vụ gì ngoài việc ủng hộ MTGP. Nhưng đến ngày 29 thì ông Huỳnh Trung Đồng đồng ý giữ lại điểm đó với sửa đổi nhỏ về cách thức trình bày. Bản kêu gọi

cũng có tiếng vang ở Âu Châu. Báo chí ở Sài Gòn cũng đăng tải. Tổng quát thì không có chỉ trích hay bôi nhọ. Tuy vậy, sau này Hương Về Đất Việt cũng rút khỏi UBLK vì thấy nhiều người ngả theo chiều hướng của LHVK tại Pháp. Tuy làm công việc này ở Paris, nhưng giữa tôi và Lợi đều biết rằng tình thế không còn là tình thế sau ngày chế độ Nhân Vị bị lật đổ. Ưu thế chính trị và quân sự đã đổi tay. Chánh quyền miền Nam đã mất thế chủ động. Bây giờ chỉ còn chống đỡ. Muốn cứu vãn tình thế thì không phải

thành phần ba có khả năng làm được. Trong giai đoạn này, chỉ có quân đội Cộng Hòa Việt Nam hay một thành phần quân đội, nếu nhận được trạng chính trị, ngoại giao và chiến lược để tách rời khỏi đường lối của chánh quyền, thực thời lấy một thái độ chính trị để tập hợp mọi thành phần đối lập và tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng mong muốn hòa bình thì có thể giữ được cho miền Nam một cơ may tồn tại trong một khung cảnh liên hiệp sau này.

Trong khi đó, tôi tiếp tục liên lạc với chánh quyền miền Bắc, lúc đầu qua ông Mai Văn Bộ, đại diện của miền Bắc ở Pháp và sau đó qua phái đoàn của miền Bắc tại hoà đàm Paris với các ông Xuân Thủy, Nguyễn Minh Vỹ v..v.. và phái đoàn của chánh phủ cách mạng lâm thời Cộng Hoà MNVN với các ông Đinh Bá Thi, Phạm Văn Ba, Nguyễn Văn Tiến. Về sau thì người Mỹ qua ông Nguyễn Huy Lợi liên lạc thẳng với ông Nguyễn Ngọc Hà để chuyển những đề nghị cho phía bên kia nhằm tiến tới một giải pháp có thể chấp nhận được cho chánh quyền VNCH gồm những người chủ trương hoà bình, cho quân đội VNCH và MTDTGP/MNVN.

Tuy làm công việc đó nhưng chúng tôi ý thức rõ rệt rằng bất cứ giải pháp đúng đắn nào cũng chỉ có hiệu quả trong một thời gian nhất định. Khi tình hình quân sự biến chuyển và tương quan lực lượng thay đổi thì lại đòi hỏi một giải pháp khác thích ứng hơn. Giữa năm 1972 thì Nguyễn Huy Lợi bị gọi về Sài Gòn gấp và sau đó không sang lại Paris nữa.

Trong thời gian này ở Sài Gòn, một số nhân vật tập hợp trong một ủy ban vận động thành lập Lực Lượng Quốc Gia Tiến Bộ, gồm có:

Chủ tịch : ông Trần Ngọc Liễng, luật sư,

Phó chủ tịch: bà Ngô Bá Thành, luật gia, và các ông Nguyễn Văn Cước, thủ lãnh nghiệp đoàn;

Lâm chánh Bình, dục sư; Phan xuân Huy, dân biểu Quốc hội, Tổng thư ký: ông Châu Tam Luân, giáo sư kinh tế nông học, Phó tổng thư ký: các ông Nguyễn Tranh Chiêu, kỹ sư điện; Triệu Quốc Mạnh, thẩm phán; cô Trần Thị Lan, sinh viên, Ủy viên liên lạc: ông Phan Văn Mỹ, kỹ nghệ gia, Ủy viên vận động: các ông Cao Hoài Hà, giáo sư toán; Dương Văn Đại, kỹ sư công nghệ; Lê Duy Tâm, giáo sư Anh văn; Nguyễn Hải Huy, giáo sư toán; Nguyễn Thiệp, kỹ sư công chánh; Dương Văn Thụy, dân biểu quốc hội; Hoàng Lộc, Thanh niên ái quốc đoàn; Huỳnh Văn Trọng, thủ lãnh nghiệp đoàn, Cố vấn: các ông Nam Đình, ký giả; Phan Vô Kỳ, nhân sĩ; Lý chánh Trung, giáo sư văn khoa; Nguyễn Lương Hưng, giáo sư hiệu trưởng; Chế công Tiên, tư chức; Võ Hòa Khanh, giáo sư kế toán.

Vào tháng 6 năm 1969, tổ chức này làm một đự thảo tuyên ngôn mà những điểm chính là: "Nhiều thế hệ thanh niên bị tiêu diệt... Đất nước bị tàn phá... Xã hội suy đồi cùng cực.. Dân VN mất hẳn chủ quyền... trách nhiệm là của chung dân tộc.. Chúng ta hãy mạnh dạn đứng lên kêu gọi các người anh em còn đang say khới súng huynh đệ tương tàn: Xin dừng tay lại ... Toàn dân hãy mạnh dạn đứng lên lãnh trách nhiệm hoà giải dân tộc, dành lại chủ quyền để cùng nhau xây dựng lại quốc gia, hàn gắn vết thương lòng của Mẹ Việt Nam".

Lập trường của LLQGTB là:

- 1 - Cấp tốc thực hiện ngừng bắn toàn diện,
- 2 - Lập chánh phủ hoà giải dân cử,
- 3 - Áp dụng chánh sách đối ngoại trung lập,

4 - Các lực lượng ngoại nhập phải triệt thoái khỏi Nam Việt Nam theo lịch trình được các phe thỏa thuận.

Ở Hoà đàm Paris, trưởng phái đoàn chánh phủ cách mạng lâm thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam đưa ra những đề nghị lập trường 5 điểm ngày 3-11-1968, giải pháp toàn bộ 10 điểm ngày 8-5-1969, sáng kiến 8 điểm nói rõ thêm về giải pháp toàn bộ ngày 17-9-1970, tuyên bố 3 điểm về ngừng bắn ngày 10-12-1970 và 7 điểm ngày 1-7-1971 về thời hạn rút quân đội Hoa Kỳ, về vấn đề chánh quyền miền Nam Việt Nam, về vấn đề các lực lượng võ trang ở miền Nam Việt Nam, về vấn đề hoà bình thống nhất nước Việt Nam và quan hệ giữa hai miền Nam Bắc, v.v.. và bản tuyên bố ngày 11-9-1972 nhấn mạnh "sẵn sàng thỏa thuận với chánh phủ Mỹ rằng ở miền Nam Việt Nam không được áp đặt chế độ cộng sản, cũng không được áp đặt chế độ ngụy quyền của Mỹ, sẵn sàng chấp nhận một chánh phủ lâm thời hòa hợp dân tộc .." (xem chi tiết trong các phụ bản).

Lập trường của phái đoàn Việt Nam Cộng Hoà lúc đầu do Đại sứ Phạm Đăng Lâm cầm đầu có thể tóm tắt trong những điểm sau đây, trong suốt thời gian hoà đàm:

"Đòi hỏi cộng sản Bắc Việt chấm dứt võ trang xâm lược bằng cách:

- Tái lập vùng phi quân sự;
- Ngừng xâm nhập người và dụng cụ vào lãnh thổ Cộng Hoà Việt Nam
- Rút về miền Bắc tất cả những lực lượng võ trang;
- Không can thiệp vào nội bộ miền Nam Việt Nam;
- Tôn trọng các Hiệp Nghị Genève năm 1954 và 1962 mà họ đã ký kết;
- Chấp nhận sự kiểm soát quốc tế hữu hiệu.

Một khi xâm lược chấm dứt thì không một vấn đề nào mà không có thể giải quyết ổn thỏa và nhanh chóng giữa những người Việt Nam".

Về phía Chánh phủ Mỹ, sau khi chủ trương Việt Nam hoá chiến tranh, tổng thống Nixon trong bài diễn văn ngày 7-10-1970 đưa ra đề nghị 5 điểm:

"1 - Ngừng bắn tại chỗ, không điều kiện, trên toàn Đông Dương;

2 - Triệu tập một hội nghị hoà bình về Đông Dương;

3 - Sẵn sàng thương lượng về một thời biểu rút quân dựa trên nguyên tắc: cùng rút quân và dựa trên 3 tiêu chuẩn mà ông Nixon tuyên bố hồi tháng 3 năm 1969: tùy thuộc sự đảm nhiệm của quân đội Cộng Hoà Việt Nam; sự giảm dần của chiến cuộc và sự tiến triển của Hội Nghị Paris."

4 - Ba nguyên tắc về giải pháp chính trị ở miền Nam Việt Nam là:

- Tìm kiếm một giải pháp chính trị phản ảnh ý muốn của nhân dân miền Nam Việt Nam;
- Giải pháp chính trị công bằng phải phản ảnh tương quan hiện tại giữa các lực lượng chính trị ở miền Nam Việt Nam;
- Tôn trọng kết quả của quá trình chính trị được thỏa thuận.

5 - Đề nghị thả ngay lập tức và không điều kiện tất cả các tù binh của cả hai bên và tất cả các nhà báo. Những nạn nhân, thường dân vô tội khác của cuộc xung đột cũng sẽ được thả ngay lập tức."

Tuy vậy, tất cả những đề nghị đưa ra tại hội nghị chỉ là bề mặt, vì sau này dư luận đều được biết là giữa ông Kissinger và ông Lê Đức Thọ đã bí mật điều đình những điều kiện để chấm dứt chiến tranh và việc rút quân của Mỹ. Mặc dầu những bài tranh luận, những đề nghị của phái đoàn Việt Nam Cộng Hoà không có một ảnh hưởng gì đến những việc mặc cả bên trong giữa Mỹ và Bắc Việt nhưng mỗi bài tham luận của trưởng phái đoàn Việt Nam Cộng Hoà đều phải hội ý với phái đoàn Mỹ trước khi phát biểu.

Suốt thời gian Hội Nghị Paris kéo dài, hơn 4 năm, phía MTGP/MNVN và sau đó đổi thành Chánh phủ cách mạng lâm thời Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam, đã mở một chiến dịch lôi cuốn (opération de charmes) lấy cảm tình và sự ủng hộ của Việt kiều tại Pháp và Âu châu và đã khá thành công. Tiếp tân, tiếp xúc với mọi giới, mọi thành phần với thái độ cởi mở, khiêm tốn từ cách giao thiệp tới cách sống. Phòng báo chí phổ biến rộng rãi hoạt động của phái đoàn và sự tiến triển của cuộc hoà đàm. Trong khi đó, phó tổng thống Việt Nam Cộng Hoà sang Pháp khi hội nghị bắt đầu thì để hết thời giờ vào việc bài bạc hoặc đi mua sắm quần áo. Phái đoàn và tòa đại sứ Việt Nam Cộng Hoà thờ ơ với cộng đồng người Việt, hoặc trong sự tiếp xúc vẫn mang tính cách quan lại.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết ngày 27 tháng 1 năm 1973, thì ở Paris các nhân sĩ và các nhóm chính trị mới đi đến việc thành lập một "Ủy ban cho hoà bình và tự do dân chủ ở Nam Việt Nam", nhằm đóng góp vào việc thi hành hiệp định Paris và ủng hộ các phong trào quốc nội đấu tranh cho hoà bình và tự do dân chủ. Ủy ban gồm :

Ban chủ tịch:

- Thượng tọa Thích Thiện Châu, Hội Phật tử VN hải ngoại, Chi bộ Pháp,
- Các ông Nguyễn Hữu Châu và Hồ Thông Minh, cựu bộ trưởng, văn phòng Lực Lượng Trung Tâm ở Paris,
- Ông Nguyễn Văn Châu, cựu trung tá, cựu giám đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý Việt Nam Cộng Hoà,
- Ông Ngô công Đức, cựu dân biểu,
- Đại tá Đỗ Khắc Mai, cựu tư lệnh không quân Việt Nam Cộng Hoà,
- Ông Nguyễn Thái Sơn, đảng Xã hội thống nhất Việt Nam, đại diện hải ngoại,
- Ông Nguyễn Giáp Thới, phong trào nghiệp đoàn, đại diện Hướng Về Đất Việt,
- Ông Cao Huy Thuần, giảng sư,

Ban cố vấn:

- Ông Cao Minh Chiếm, ký giả, cựu tổng thư ký Phong Trào Hoà Bình Nam Việt Nam 1965,
- Ông Phạm Ngọc Thu, cựu thẩm phán,
- Ông Ngô Văn Trương, đại diện Lực Lượng Tự Do,
- Văn phòng tướng Dương Văn Minh tại Paris.

Ban thư ký:

- Ông Vũ Thiện Hân, Hướng Về Đất Việt,
- Ông Hoàng Văn Nam, đảng Xã Hội Thống Nhất, đại diện hải ngoại,
- Ông Huỳnh Bá Phúc, cựu sĩ quan không quân Việt Nam Cộng Hoà,
- Ông Phạm Thế Trúc, cựu dân biểu,
- Ông Thái Quang Trung, văn phòng liên lạc Lực Lượng Trung Tâm ở Paris,
- Ông Nguyễn Tùng, Hội Phật Tử Việt Nam Hải Ngoại, chi bộ Pháp.

Paris, ngày 22 - 6 - 1973

Từ sau ngày Hiệp định Paris được ký kết, 27-1-1973, tình hình chính trị đi đôi với tình hình quân sự càng ngày càng trở nên căng thẳng vì hai phe đều muốn lấn át lẫn nhau để lấy ưu thế chính trị. Trong thời gian này ở Sài Gòn những phong trào đòi thi hành Hiệp Định Paris, chống tham nhũng, đòi thả tù nhân chính trị v..v.. làm chánh quyền miền Nam càng ngày càng cô lập. Tại Hội nghị hiệp thương giữa hai miền để giải quyết các vấn đề nội bộ miền Nam Việt Nam ngay sau ngày ngừng bắn theo như

Hiệp Định Paris quy định đã bất đồng ý kiến vì phái đoàn Việt Nam Cộng Hoà lại đưa ra vấn đề triệt thoái quân đội Bắc Việt. Thời hạn 90 ngày sau khi ngừng bắn, hai đối thủ ở miền Nam Việt Nam phải đi tới việc ký một thỏa hiệp về các vấn đề nội bộ, theo như Hiệp Định Paris quy định. Gần sắp tới hạn, Chánh phủ cách mạng lâm thời đưa ra đề nghị 6 điểm ngày 25-4-1973 như sau:

- 1 - Chấm dứt ngay mọi cuộc xung đột, triệt để tuân theo mọi điều khoản về ngừng bắn vững chắc và không thời hạn nhằm giữ vững hoà bình lâu dài ở miền Nam Việt Nam;
- 2 - Trao trả ngay tất cả nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt, bị giam giữ ở miền Nam Việt Nam;
- 3 - Bảo đảm ngay và đầy đủ các quyền tự do dân chủ của nhân dân miền Nam;
- 4 - Thành lập Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc;
- 5 - Tiến hành tổng tuyển cử tự do dân chủ ở miền Nam Việt Nam;
- 6 - Vấn đề lực lượng võ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam. (xem chi tiết ở phụ lục)

Theo bản nhận định của một nhóm nghị sĩ, dân biểu VNCH, thì "báo chí ở Nam Việt Nam không được phép đăng tải đề nghị của MTGP/MNVN. Ngược lại, bản đề nghị của chánh phủ Sài Gòn đã được tất cả các báo Việt ngữ đăng tải. Đài phát thanh và truyền hình đã nói ngày đêm". Đề nghị của phái đoàn VNCH cũng đưa ra ngày 25-4-1973 như sau: "Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc, sau khi được triệu tập, chỉ sinh hoạt trong 2 tháng. Tháng đầu, lo soạn thảo luật bầu cử, tháng sau ngồi chờ kiểm soát cuộc bầu cử". Cũng theo nhận định trên thì đề nghị này trái ngược tinh thần của Hiệp định Paris.

Điều 12-b của Hiệp Định Paris nói rằng: " Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc có nhiệm vụ đôn đốc hai bên miền Nam Việt Nam thi hành Hiệp định này, thực hiện hoà giải và hoà hợp dân tộc, bảo đảm tự do dân chủ". Chiếu nhiệm vụ này, hội đồng phải được thành lập và hoạt động một thời gian lâu trước khi có tổng tuyển cử, mục đích là để điều hoà sinh hoạt chính trị ở Nam Việt Nam... . Điều 12-b cũng nói rằng: "Hội đồng quốc gia hoà giải và hoà hợp dân tộc sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do và dân chủ, và quy định thủ tục và thể thức cuộc tổng tuyển cử này". Chánh phủ VNCH trái lại chỉ cho Hội đồng cái quyền kiểm soát bầu cử.

Ngày 4-5-1973, Khối Dân Tộc Xã Hội ở hạ nghị viện cũng ra nhận định về đề nghị ngày 25-4-1973 của hai phái đoàn tại Hội nghị hiệp thương giữa hai bên miền Nam Việt Nam như sau:

" a - Phía chánh phủ VNCH đã trình bày đảo ngược những tiến trình minh thị trong Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973, lấy tổng tuyển cử làm trọng điểm,

- gián tiếp chấp nhận bầu cử quốc hội lập hiến để định một thể chế mới cho tương lai miền Nam Việt Nam nhưng lại cố tình đồng hoá quyền dân tộc tự quyết với việc bầu cử.

- cố tình trì hoãn tối đa việc trả quyền tự do dân chủ cho nhân dân và tiếp tục phủ nhận thành phần thứ ba là những yếu tố căn bản để hoà giải hoà hợp dân tộc tiến đến một cuộc bầu cử trong sạch và thành thật.

- tất cả các đề nghị của chánh phủ VNCH đều được gói ghém trong một thời biểu gấp rút, gò bó, xa thực tế, nặng phần trình diễn.

b - Phía chánh phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam đã trình bày đúng theo diễn trình ghi trong Hiệp Định Paris, chấp nhận bầu cử quốc hội lập hiến làm phương tiện đạt đến quyền dân tộc tự quyết. Thừa nhận các quyền tự do dân chủ của nhân dân phải thực thi tức khắc và là điều kiện cần thiết để bảo đảm cho một cuộc bầu cử trong sạch và thành thật.

Nhưng đề nghị giải quyết các lực lượng võ trang sau ngày tổng tuyển cử thì, với các lực lượng võ trang nguyên vẹn, hai bên quyền lực có thể lợi dụng chèn ép, đe dọa không cho nhân dân nói lên nguyện vọng chính đáng của mình qua cuộc tổng tuyển cử, đồng thời hai bên cũng có thể không tôn trọng hoặc phá vỡ kết quả tổng tuyển cử khi kết quả ấy không đáp ứng sự mong muốn của họ.

Khối dân tộc xã hội:

1- Ghi nhận tinh thần thực tế của hai bên quyền lực miền Nam Việt Nam chấp nhận tổ chức tổng tuyển cử bầu Quốc hội lập hiến;

2 - Đòi hỏi hai bên quyền lực miền Nam Việt Nam phải gấp rút thực thi các quyền tự do dân chủ thừa nhận ở Hiệp Định Paris về Việt Nam, để tạo điều kiện quy tụ thành phần thứ ba, có đại diện chân chính trong Hội đồng hoà giải hoà hợp dân tộc. Thành phần này là yếu tố cần thiết hoà giải hai quyền lực tranh chấp.

3 - Đòi hỏi hai bên quyền lực gạt bỏ mọi mưu mô nặng phần tuyên truyền, trái lại cần phải thực tâm mưu cầu hoà bình cho nhân dân trong tinh thần hoà giải hoà hợp dân tộc.

Trưởng Khối Dân Tộc Xã Hội Hạ Nghị Viện: dân biểu Lê Đình Duyên; dân biểu Trần Văn Tuyên; dân biểu Hồ Văn Minh và các dân biểu: Đinh Văn Đệ; Nguyễn Tất Thịnh; Phan Thiệp; Trần Văn Sơn; Trần Cao Đê; Nguyễn Mậu; Nguyễn Hữu Thời; Đinh Xuân Dung; Hồ Ngọc Nhuận; Lý Quý Chung; Lý Trương Trân; Huỳnh Ngọc Diêu; Đoàn Mại; Mai Ngọc Dục; Trần Văn Thung; Trần Ngọc Giao; Phan Xuân Huy; Tạ Thành Hôi; Nguyễn Văn Hàm; Nguyễn Công Hoan; Nguyễn Phúc Liên Bảo; Nguyễn Văn Phụng; Nguyễn Văn Phước; Nguyễn Ngọc Nghĩa; Nguyễn Phước Vĩnh Tùng; Tư Đô Minh; Kiều Mộng Thu."

Ngoài ra, tại Sài Gòn Phong trào nhân dân đòi thi hành Hiệp định Paris ngày 10 - 3 - 1974 cũng đăng lời kêu gọi trên nội san " Tiếng nói ": "Kêu gọi toàn thể đồng bào trong và ngoài nước sát cánh với chúng tôi để đòi Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973 phải được triệt để tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh trong tinh thần hoà giải hoà hợp dân tộc; Kêu gọi chính phủ và nhân dân các bên ký kết Hiệp định Paris, chính phủ và nhân dân các nước hội viên Hội Nghị quốc tế để chấm dứt chiến tranh và đảm bảo hoà bình ở Việt Nam, chính phủ và nhân dân các nước thành viên Uỷ ban quốc tế kiểm soát và giám sát tại Việt Nam, cùng toàn thể nhân dân yêu chuộng hoà bình và công lý trên thế giới, tích cực ủng hộ tổ chức chúng tôi dưới mọi hình thức, để sớm lập lại hoà bình, góp phần củng cố hoà bình ở Á châu và thế giới ".

Bản kêu gọi gồm hơn 300 người ký tên.

Sau đó, ủy ban ra tuyên cáo là "Tổ chức nhân dân đòi thi hành Hiệp định Paris là thành phần của thực thể chính trị thứ ba tại miền Nam Việt Nam." Hội đồng điều hành lâm thời của tổ chức này gồm có: linh mục Phan Khắc Từ, ni sư Huỳnh Liên, dân biểu Nguyễn Văn Hàm, dân biểu Hồ Ngọc Nhuận, các giáo sư Nguyễn Trọng Quang Nghị, Nguyễn Văn Vàng, Châu Tâm Luân, An Cư; bà Ngô Bá Thành, nhà văn Thế Nguyên, luật sư Trần Ngọc Liễng.

Nhưng nguy cơ chính của chính quyền Việt Nam Cộng Hoà thực sự đã bắt đầu từ ngày ông Nixon chủ trương Việt Nam hoá chiến tranh. Đường lối này chỉ nhằm một mục đích duy nhất là rút khỏi sa lầy miền Nam do áp lực nội bộ. Nhưng giới lãnh đạo miền Nam vẫn chưa ý thức được mối nguy đó để thay đổi đường lối và chuẩn bị cho quân đội có khả năng chống đỡ một mình với một đối thủ vô cùng nguy hiểm. Việc buôn quan bán chức vẫn ồ ạt.

Ở Paris, cho tới khi miền Nam không còn cơ cứu vãn thì các nhân sĩ mới đi tới việc thành lập một " Ủy ban các lực lượng chính trị thuộc thành phần ba miền Nam Việt Nam". Một buổi họp báo được triệu tập ngày 9-4-1975 với thành phần như sau :

Ban chấp hành gồm có:

Các tổ chức:

- Nguyễn Văn Công, chủ tịch phong trào Công Giáo và Dân tộc,
- Trần Hải Hạc, phó chủ tịch Hội Phật Tử Việt Nam Hải Ngoại,
- Trần Đình Lan, chủ tịch Lực Lượng Tự Do Việt Nam,
- Nguyễn Long, chủ tịch Phong Trào Dân Tộc Tự Quyết,
- Hồ Thông Minh, cựu bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban liên lạc Lực Lượng Trung Tâm,
- Nguyễn Thái Sơn, đại diện hải ngoại đảng Xã Hội Thống Nhất Việt Nam,
- Cao Huy Thuận, đại diện ở Âu châu của các lực lượng hoà hợp dân tộc,

Các nhân sĩ:

- Nguyễn Văn Châu, cựu trung tá,
- Cao Minh Chiếm, ký giả,
- Ngô Công Đức, cựu dân biểu,
- Đỗ Khắc Mai, cựu tư lệnh không quân VNCH,
- Nguyễn Hữu Châu, cựu bộ trưởng.

Ủy ban cố vấn:

- Trần Văn Minh, luật sư,
- Thiều Sơn, nhà văn,
- Phạm Ngọc Thu, cựu thẩm phán.

Thời điểm này tình hình quân sự đã biến chuyển thuận lợi cho miền Bắc và MTTD/GPMN thì sự có mặt của thành phần ba trong và ngoài nước không còn cần thiết cho họ nữa. Tôi nhớ lại một buổi nói chuyện của bà Nguyễn Thị Bình. Trong câu chuyện, bà Bình nhận định tình hình là muốn đi đến thoả thuận thì cần phải đập gãy xương sống của chánh quyền Sài Gòn, tức là quân đội Cộng Hoà VN. Tôi hỏi lại là một khi xương sống của chế độ Sài Gòn bị đánh gãy rồi thì phía Chánh phủ Cách mạng lâm thời có còn nói tới sự tham gia của thành phần ba không? Bà Bình đã không trả lời câu hỏi của tôi. Tất cả các hoạt động của các nhân vật trong các tổ chức trên có thể nói bản chất chỉ là những hành động dần thân lấy thái độ của người trí thức mà thôi. Trong suốt thời gian hơn 3 năm, những nhân vật chính trị của thành phần ba ở trong và ngoài nước đã bất lực hay đúng ra đã không tìm mọi cách để xây dựng một lực lượng dân chúng đông đảo và bắt tay với quân đội để làm áp lực, ép buộc hai phe phải nhìn nhận sự có mặt của mình trong việc giải quyết vấn đề miền Nam Việt Nam. Vì thế vận động của thành phần ba để đạt được một thế đứng trong nhiệm vụ hoà giải hầu xây dựng đất nước trong hoà bình và hoà hợp dân tộc đã không mang lại một kết quả mong muốn. Sau cùng, còn một lý do quyết định nữa là hai đối thủ có lực lượng trong tay theo biến chuyển của chiến trường đều muốn giải quyết vấn đề bằng chiến thắng quân sự. Chánh quyền của ông Thiệu thì không lúc nào muốn chia sẻ quyền lực cho những thành phần chính trị nào khác. Không phải vì chánh kiến hay đường lối, mà phần lớn vì muốn một mình thao túng đất nước để chia chác với phe cánh. Không muốn chia quyền, muốn chiến thắng quân sự, nhưng lại không trông thấy mối nguy gây ra bởi sách lược Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ. Việt Nam hoá chiến tranh đòi hỏi chánh quyền VNCH kiên toàn và hữu hiệu hoá quân lực VNCH để từ vai trò phụ lực cho quân đội Hoa Kỳ trở

thành vai trò chính, đảm nhiệm một mình chiến tranh. Nói như vậy có nghĩa là các tướng lãnh trách nhiệm từ tổng tham mưu đến đơn vị trưởng các cấp phải có đủ khả năng lãnh đạo, chứ không thể là những cấp bậc do hối lộ mà có.

Đề cập tới vấn đề khả năng và tinh thần cán bộ quân đội cũng như cán bộ hành chính, tôi lại nhớ lại buổi hội kiến với ông Ngô Đình Nhu vào khoảng cuối năm 1959, lúc tôi đang giữ chức vụ tư lệnh phó Sư Đoàn 7 ở Biên Hoà. Không hiểu vì lý do nào mà ông cố vấn của ông Diệm lại mời tôi lên gặp ông ta ở phủ tổng thống, trong lúc tôi vẫn được coi là thành phần chống đối với chế độ. Trong dịp này, ông Nhu hút thuốc không ngừng nhưng tỏ ra rất nhã nhặn khi đàm thoại với tôi. Ông muốn biết ý kiến tôi về tình hình quân đội và vấn đề tổ chức quân ngũ. Tôi đã trình bày cho ông rằng theo thiên ý của tôi thì cuộc chiến tranh đang diễn tiến ở miền Nam Việt Nam là một cuộc chiến tranh nhân dân, dưới hình thức du kích chiến trong một giai đoạn dài trước khi bước sang hình thức vận động chiến. Như vậy, để cố vấn Hoa Kỳ tổ chức quân đội Việt Nam theo kiểu mẫu quân đội Hoa Kỳ là không thích hợp với bản chất của cuộc chiến. Hai là huấn luyện quân đội một nước nghèo, không có kỹ nghệ chiến tranh, theo cách chiến đấu của một quân đội

tiên tiến, nhiều phương tiện về trang bị và tiếp vận sẽ rất nguy hiểm trong tương lai. Một khi không còn viện trợ quân sự nữa thì sẽ bị bó tay. Tôi nêu lên vấn đề là cuộc chiến này đòi hỏi ở cán bộ quân sự và hành chính một tinh thần cách mạng và trách nhiệm nếu muốn chiến thắng. Những cán bộ không thể chỉ hành động như những công chức trong thời bình. Việc dùng người vì vậy rất quan trọng.

Tôi cũng nhấn mạnh là trong cuộc chiến này, đối thủ nào nắm được dân là nắm được yếu tố thắng lợi nhất định. Người dân ở xa chỉ trông chế độ qua người đại diện chế độ ở địa phương. Nếu người đại diện tham nhũng, độc tài là chế độ mang hình ảnh đó trước mắt người dân. Cuối cùng ông Nhu đi vào một vấn đề có lẽ là chính trong buổi tiếp xúc này. Ông ta hỏi là tại sao tôi luôn luôn tỏ ý chống đảng Cần Lao. Như đã viết ở phần đầu, tôi chỉ nêu ý kiến bất đồng về việc quân đội làm chính trị và chống những cán bộ đảng không có khả năng được đưa vào các địa vị then chốt trong quân đội, khiến cho cho tư tưởng xu thời phát triển mạnh trong hàng ngũ quân đội, đem lại sự lũng đoạn và suy thoái của quân đội. Ông Nhu đã yên lặng nghe tôi trình bày trong gần 5 giờ đồng hồ.

Nay nghĩ lại, tôi tự hỏi nếu thời gian đó tôi cộng tác với ông Nhu và ông Cẩn và được sự tin nhiệm để làm việc thì liệu tôi có khả năng thay đổi phần nào cục diện không. Và hai cuộc đảo chánh quân sự đưa đến sự sụp đổ của nền Đệ Nhất Cộng Hoà cũng như quá trình tan rã của chế độ miền Nam có tránh được không? Lúc đó tôi nghĩ rằng thành phần xu thời chung quanh gia đình ông Diệm quá nhiều để một mình tôi có thể làm được một việc gì hữu ích mà không bị dèm pha, ganh tị để rồi rút cục cũng lại mang thêm một thất vọng.

Trong cuộc điều đình bí mật giữa phía Hoa Kỳ và Bắc Việt, để thuyết phục đối phương chấp nhận ký kết ngừng bắn, Hoa Kỳ dùng chiến lược gồm hai mặt như phương tây gọi là thanh gậy và củ cà rốt. Viện trợ tái thiết cả hai miền Bắc, Nam, hàn gắn tàn phá của chiến tranh trong trường hợp đạt được kết quả ngừng bắn. Bắc Việt sẽ được viện trợ ít nhất là 2 tỷ Mỹ kim, theo lời hứa miệng của ông Nixon do H. Kissinger chuyển lại cho bộ trưởng Xuân Thủy. Hoặc tiếp tục Việt Nam hoá chiến tranh bằng biện pháp tăng cường viện trợ cho chính quyền miền Nam nếu cuộc điều đình không đi tới kết quả. Lý lẽ của Hoa Kỳ đưa ra là tính năng động của chính sách Việt Nam hoá chiến

tranh là quân lực VNCH phát triển mạnh và có khả năng đảm nhiệm được chiến cuộc với sự giúp sức tối thiểu của quân đội Hoa Kỳ. Trong trường hợp này miền Nam sẽ cứng rắn hơn trong lập trường hoà đàm và như vậy không có lợi gì cho cả hai miền với những tàn phá rộng lớn do chiến cuộc kéo dài bất phân thắng bại.

Nhưng ở thời điểm những năm 1972-1973, mặc dầu vẫn lên án chính sách Việt Nam hoá chiến tranh của Hoa Kỳ, tôi nghĩ rằng giới lãnh đạo cộng sản đã đánh giá chính sách Việt Nam hoá chiến tranh một cách khác. Họ coi đó là bước đầu trên con đường thắng lợi của họ. Việt Nam hoá chiến tranh có hậu quả tất nhiên là quân lực Việt Nam Cộng Hoà dù muốn hay không muốn, không còn những phương tiện hoả lực, chuyển vận và trang bị như trước nữa. Vì vậy ngày 30-9-1974, Bộ Chính Trị họp bàn về tình hình quân sự năm 1975 và 1976 nhận định rằng "Mỹ đã rút quân ra thì việc quay lại không phải dễ. Dù Mỹ có can thiệp trở lại trong chừng mực nào thì chúng cũng không xoay chuyển được tình thế". Tình hình chính trị nội bộ của Hoa Kỳ là điểm yếu của Việt Nam Cộng Hoà trong nỗ lực chiến tranh. Nhưng cái chính là giới lãnh đạo quân sự Việt Nam Cộng Hoà không đủ khả năng đương đầu với một giới lãnh đạo cộng sản nhiều kinh nghiệm chiến đấu qua bao thử thách ở chiến trường trong hai cuộc chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đồng thời về phương diện chính trị thì chánh quyền miền Nam cô lập, không động viên được người dân. Giới thân cận chánh quyền cũng như giới tư bản thành thị thì đều chuẩn bị gửi tiền và con cái ra ngoại quốc. Tuy hô hào chống cộng nhưng trong thâm tâm không ai còn động lực chiến đấu nữa. Tình trạng này chỉ là hậu quả tất nhiên của đường lối chống cộng của những chánh quyền quốc gia. Thật vậy, trong nhiều thập niên tầng lớp trên, trí thức tư sản và chính trị yên ấm ngồi ở thành thị để hô hào chống cộng tới cùng. Bản thân họ không hề mất mát gì. Tất cả gánh nặng xương máu đều do quân đội và tầng lớp dưới đảm nhiệm. Trong tình trạng này quân đội là gì nếu không phải là lớp cán bộ trẻ không vây cánh và binh sĩ? Lập trường chống cộng triệt để của giới lãnh đạo chính trị và quân sự thực sự không phải vì lý tưởng tự do dân chủ, công bằng xã hội mà phần lớn chỉ là để giữ vững quyền lợi cá nhân mà thôi. Nắm chắc được những yếu tố chính trị và quân sự thuận lợi nên phía cộng sản thấy giải pháp chính trị không còn cần thiết nữa. Và trong trường hợp này vai trò của thành phần ba không còn lý do tồn tại.